

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

*Đường 1B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phú Mỹ, Bà Rịa – Vũng Tàu*

*Đt: 0254.3921 999– Fax: 0254.3921 966– Website: [www.dpm.vn](http://www.dpm.vn)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2018**

*Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng 4 năm 2018*

# MỤC LỤC

<b>PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>2</b>
I. Thông tin khái quát .....	2
II. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	3
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
V. Định hướng phát triển .....	5
VI. Các rủi ro .....	6
<b>PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018.....</b>	<b>9</b>
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	9
II. Tổ chức và nhân sự .....	10
III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.....	19
IV. Tình hình tài chính .....	19
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	22
VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội .....	23
<b>PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>28</b>
I. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	28
II. Tình hình tài chính .....	28
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	29
IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	30
V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có).....	31
VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	31
<b>PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>33</b>
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	33
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty .....	34
III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	34
<b>PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>36</b>
I. Hội đồng quản trị.....	36
II. Ban Kiểm soát.....	39
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS .....	42
<b>PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>.....</b>
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm	

# PHẦN I

## THÔNG TIN CHUNG

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500874315 (số cũ: 4903000566) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/06/2018.
- Vốn điều lệ: 42.000.000 (Bốn mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 42.000.000 (Bốn mươi hai tỷ đồng)
- Địa chỉ: Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Phú Mỹ, Bà Rịa-Vũng Tàu
- Số điện thoại: 0254 3 921 999; Số fax: 0254 3 921 966;
- Website: www.dpmp.vn
- Mã cổ phiếu: PMP

### II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tiền thân là Nhà máy Sản xuất bao bì Hương Phong, thuộc Công ty TNHH Hương Phong được chính thức vận hành từ ngày 1/10/2004 với công suất thiết kế 30 triệu bao phân bón, nông sản và xi măng.
- Ngày 17/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở hợp tác giữa Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để cử doanh nghiệp trực thuộc là Công ty TNHH Hương Phong và Công ty con là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí tham gia góp vốn thành lập.
- Ngày 19/05/2008 Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- Ngày 20/10/2010, khởi công xây dựng Dự án mở rộng quy mô và nâng cao năng lực Nhà máy sản xuất Bao bì giai đoạn 2. Năm 2012 Dự án hoàn thành và đi vào sản xuất, nâng công suất toàn nhà máy lên 45 triệu bao phân bón, nông sản và xi măng. Trong quá trình hoạt động, Công ty tiếp tục đầu tư bổ sung, đồng bộ hóa hệ thống máy móc thiết bị, dùng vận hành dây chuyền sản xuất dòng bao xi măng, cơ cấu lại danh mục sản phẩm. Đến thời điểm hiện tại, công suất toàn nhà máy đạt 60 triệu bao phân bón, nông sản.
- Ngày 22/05/2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 30/06/2015, Cổ phiếu Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo

Quyết định số 400/QĐ-SGDHN. Ngày 22/09/2015 cổ phiếu PMP giao dịch phiên đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Năm 2017 Công ty hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm mới, dòng bao bì Jumbo, bao gồm 1 dây chuyền sản xuất bao Jumbo hoàn chỉnh và hệ thống xưởng may Jumbo sạch.

### **III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

#### **1. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE;
- Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE, mua bán phân bón các loại; mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng điện tử;
- Mua bán nhiên liệu động cơ;
- Vận tải bằng ô tô;
- Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp;
- Mua bán giấy, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm;
- Cho thuê kho bãi;
- In ấn, và các dịch vụ liên quan đến in...

#### **2. Địa bàn kinh doanh:**

- Dòng bao PP chứa phân bón/nông sản: cung cấp cho các đơn vị sản xuất phân bón, hóa chất, lương thực, nông sản, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản như: Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Nhà Máy Đạm Phú Mỹ, Công ty TNHH Bao CP Việt Nam, Công ty Đường Việt Nam. Tại thị trường xuất khẩu Công ty đang cung cấp cho thị trường Ý, Hàn Quốc, Nhật, Thái Lan, Singapore, Malaysia...
- Dòng bao Jumbo: cung cấp cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Ở trong nước, Công ty đang cung cấp cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Công ty phân bón Baconco, Công ty Hyosung.... Tại thị trường xuất khẩu Công ty đang cung cấp cho thị trường Ý, Anh, Hàn Quốc, Nhật, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Singapore, Malaysia,...

### **IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**

#### **1. Mô hình quản trị:**

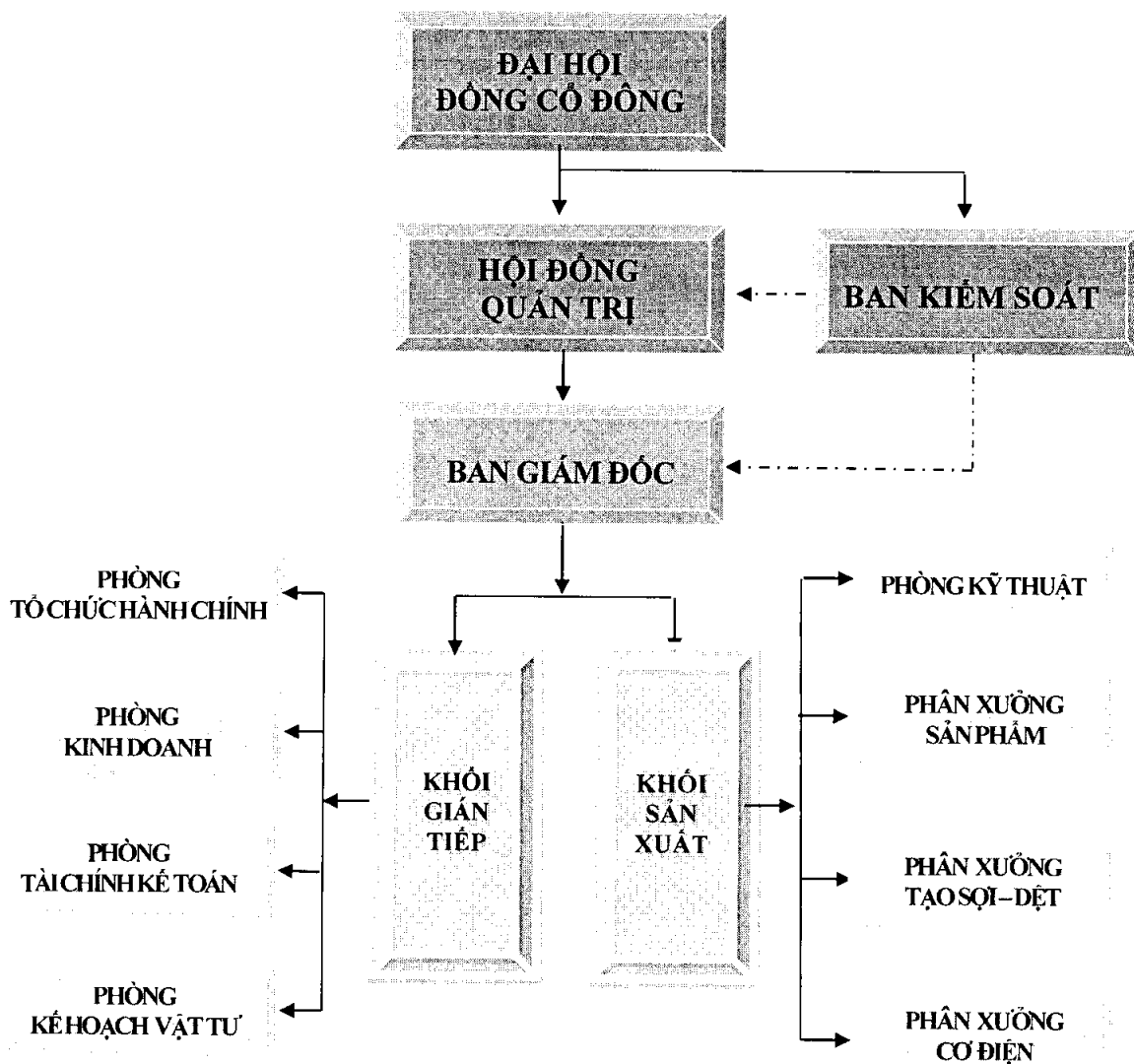
*Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):* bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

*Hội đồng quản trị (HDQT):* là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HDQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

*Ban kiểm soát (BKS):* Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HDQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

*Ban Giám đốc (BGĐ):* bao gồm 01 Giám đốc, và các Phó Giám đốc do HDQT bổ nhiệm. Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HDQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc

## 2. Cơ cấu bộ máy quản lý (Sơ đồ tổ chức của Công ty)



3. **Các công ty con, công ty liên kết:** *Không có*

V. **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

1. **Định hướng phát triển**

Định hướng phát triển: Gia tăng được lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

2. **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Sản phẩm luôn có chất lượng cao và ổn định.
- Phân đầu trở thành nhà cung cấp đáng tin cậy cho thị trường Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ.
- Đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở tập trung vào một số dòng sản phẩm xuất khẩu chọn lọc có giá trị gia tăng cao.
- Trở thành những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực bao bì, giúp khách hàng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan tới sử dụng bao bì (thiết kế bao bì mới, nhận diện được sản phẩm thật/giả, logistics,...).
- Luôn đảm bảo hiệu quả kinh tế cho Công ty và khách hàng.
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông.

3. **Các mục tiêu chủ yếu**

- Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.
- Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
- Đáp ứng 100% nhu cầu bao bì chứa phân bón cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) và các đơn vị thành viên của PVFCCo. Đáp ứng tối đa nhu cầu cho các khách hàng trong và ngoài nước trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả.
- Hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu.
- Đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm Bao bì Jumbo và hoàn thành đầu tư đồng bộ dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo.
- Phát triển dòng sản phẩm mới BOPP, bao bì đựng thực phẩm, bao bì chứa hóa chất.

4. **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu cho công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi

trường. Áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc gây ảnh hưởng/tác động xấu đến môi trường.

- Luôn coi trọng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm theo thỏa thuận với khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

## **VI. CÁC RỦI RO**

Để thực hiện các mục tiêu dài hạn, thúc đẩy Công ty ngày càng phát triển, tạo dựng thương hiệu có uy tín trên thị trường, đảm bảo lợi ích cổ đông, hài hòa trách nhiệm xã hội, Công ty luôn nhận định, đánh giá và kiểm soát các rủi ro gắn kết với mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động để tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và phát triển bền vững. Các rủi ro chủ yếu bao gồm:

### **1. Rủi ro kinh tế**

Sự phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Khi nền kinh tế phát triển kéo theo sự phát triển của các ngành, các doanh nghiệp. Giao thương hàng hóa sôi động sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng bao bì, đòi hỏi mẫu mã đẹp hơn để đẩy mạnh quảng bá thương hiệu thu hút người tiêu dùng, chất lượng bao bì tốt hơn để bảo quản sản phẩm đúng quy định hơn. Ở chiều ngược lại, sự phát triển kém sôi động của các yếu tố vĩ mô làm cho các doanh nghiệp hoạt động không tốt sẽ cần tiết giảm chi phí cho việc thiết kế mẫu mã bao bì hoặc tìm các nguồn cung khác với giá rẻ,... Dù nền kinh tế thay đổi theo chiều hướng nào cũng đều tác động đến nhu cầu sử dụng bao bì, do đó tác động đến các đơn vị cung cấp vỏ bao về việc nắm bắt thị hiếu tiêu dùng để xây dựng mục tiêu và định hướng phát triển doanh nghiệp.

### **2. Rủi ro cạnh tranh**

Ngành nhựa bao bì còn nhiều dư địa tăng trưởng, đồng thời số lượng công ty sản xuất bao bì lớn, điều này khiến mức độ cạnh tranh trong mảng nhựa bao bì ngày càng gia tăng. Các doanh nghiệp phải đối mặt trước hết cạnh tranh về giá thành sản xuất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm để chiếm lĩnh thị trường đầu ra nhằm đảm bảo mức lợi nhuận kỳ vọng. Ngoài ra, nhằm thu hút khách hàng, buộc các đơn vị cung cấp đưa ra những chính sách cạnh tranh về dịch vụ, cho thời hạn nợ dài hơn, điều này dẫn đến những rủi ro về việc thu hồi công nợ, thương thảo hợp đồng,...

Ở chiều hướng khác, việc có thêm các doanh nghiệp nhựa gia nhập thị trường tạo ra sự bất lợi hơn cho các doanh nghiệp đi trước về việc cải tiến công nghệ sản xuất. Điều này là do đặc thù công nghệ sản xuất và thiết bị thường xuyên thay đổi nhưng

giá trị đầu tư lại lớn, nếu thị hiếu người tiêu dùng thay đổi liên quan đến việc thay đổi công nghệ sản xuất, đầu tư mới thiết bị sẽ là lựa chọn khó khăn cho các doanh nghiệp đi trước.

### **3. Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào nhập khẩu**

Là doanh nghiệp sản xuất bao bì nên nguyên liệu đầu vào chính của Công ty là hạt nhựa. Giá trị nguyên liệu nhựa chiếm đến gần 80% giá thành sản xuất sản phẩm. Hiện nguồn nguyên liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất tại Công ty chiếm hơn 90% là từ nguồn nhập khẩu. Do đó, hoạt động của Công ty chịu tác động chủ yếu và sự biến động giá nguyên liệu nhập khẩu theo giá đầu. Ngoài ra, giá nhựa còn chịu rủi ro biến động theo giá nhập khẩu nguyên vật liệu, giá thành sản xuất còn chịu ảnh hưởng về độ trễ của quá trình nhập nhựa, kéo dài thường từ 45-60 ngày. Khi nhựa về đến Công ty thì giá nhựa đã có những thay đổi nhất định trong khi đó việc chốt giá bán đơn hàng theo giá cập nhật tại thời điểm nhận đơn hàng. Do vậy, rủi ro biến động giá nguyên vật liệu tác động chính đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **4. Rủi ro lãi suất**

Vốn lưu động của Công ty chủ yếu từ nguồn vốn vay ngân hàng. Việc này làm phát sinh rủi ro lãi suất. Trong năm 2018, lãi suất cho vay đối với khu vực sản xuất kinh doanh điều chỉnh tăng nên đã ảnh hưởng đáng kể đến chi phí tài chính của doanh nghiệp.

### **5. Rủi ro tỷ giá**

Ngoài việc chịu ảnh hưởng của tỷ giá cho hoạt động mua nguyên vật liệu đầu vào hoặc các máy móc thiết bị không thể mua được từ thị trường trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất, Công ty còn có các mặt hàng xuất khẩu ra nước ngoài, phần thu ngoại tệ cũng tác động đến doanh thu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty sử dụng một phần vốn vay ngân hàng bằng đồng ngoại tệ nên khi tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty. Do đó, rủi ro tỷ giá là cũng là một rủi ro quan trọng được Công ty theo dõi và đánh giá thường xuyên để có những động thái phù hợp về bán hàng trong quá trình giao thương.

### **6. Rủi ro sử dụng sản phẩm thay thế:**

Các sản phẩm từ nhựa hiện nay đang được tiêu thụ rộng rãi các sản phẩm nhựa bởi tính nhẹ, bền, dẻo dai và chi phí thấp. Chính vì những ưu điểm đó mà việc sử dụng rộng rãi đã tạo cho các sản phẩm này lợi thế mà ít các sản phẩm hay chất liệu khác có thể dùng để thay thế được. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ vật liệu, tính bất ngờ của các sản phẩm thay thế cho nhựa là không thể bỏ qua. Đồng thời, liên quan đến bảo vệ môi trường, bao bì thân thiện với môi trường sẽ là



xu hướng tiêu dung thay thế sản phẩm bao bì nhựa. Tuy nhiên, với dòng sản phẩm công ty đang cung cấp thì khả năng thay thế thấp hơn. Do vậy, tác động từ sản phẩm thay thế trong kế hoạch ngắn hạn là không đáng kể, tuy nhiên, để xác định định hướng phát triển thì đây là yếu tố có tác động rất lớn để xây dựng mục tiêu phát triển và kế hoạch đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị sản xuất.

#### **7. Rủi ro luật pháp**

Là Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh sản phẩm Bao bì nhựa, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế bảo vệ tài nguyên môi trường...

#### **8. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như: Bão lớn, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty để hạn chế bớt các rủi ro này.

## PHẦN II

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

#### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2018	TH 2018	% TH/KH
1	<b>Sản lượng sản xuất</b>				
2	Dòng bao truyền thống	Tr.bao	59,64	62,75	105%
3	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	688,44	712,46	103%
4	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>				
5	Dòng bao truyền thống	Tr. Bao	59,44	61,88	104%
6	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	722	702,07	97%
7	<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>445,24</b>	<b>448,97</b>	<b>101%</b>
8	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>434,21</b>	<b>438,05</b>	<b>101%</b>
9	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>11,03</b>	<b>10,93</b>	<b>99%</b>
10	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>8,80</b>	<b>8,68</b>	<b>99%</b>
11	<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>17%</b>	<b>17%</b>	<b>100%</b>
12	<b>Nộp NSNN</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>23,06</b>	<b>14,42</b>	<b>63%</b>

- Tình hình sản xuất: Đối với dòng bao truyền thống, từ những năm trước, Công ty hướng đến mục tiêu sản lượng 60 triệu bao/năm để đạt được mức khai thác tối ưu về thiết bị. Đối với dòng bao Jumbo, Công ty tiếp tục mở rộng sản xuất nhằm khai thác có hiệu quả hơn phần thiết bị đã đầu tư chuẩn bị cho Dự án mở rộng sản xuất. Kết quả đến hết năm 2018, Công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, đạt được 62 triệu bao nông sản so với kế hoạch 60 triệu bao và đạt 712 nghìn bao Jumbo so với kế hoạch 688 nghìn bao, có sự tăng trưởng khá so với mức đạt được trong năm 2017 của 2 dòng bao tương ứng là 56 triệu bao nông sản và 423 nghìn bao Jumbo.
- Tình hình thị trường, khách hàng: Công ty duy trì thị phần đáp ứng sản lượng mục tiêu kế hoạch năm 2018. Trong đó, khách hàng lớn nhất là khách hàng Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí với sản lượng chiếm đến 35-40% sản lượng dòng bao nông sản. Ngoài ra, ngoài khách hàng ổn định trong nước khác, trong năm 2018, Công ty thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt đối với các khách hàng có mức sản lượng lớn và ổn định Công ty phát triển thị trường ở các nước Nhật, Ý, Hàn Quốc, Thái Lan,..... Nhờ vậy ngoài việc ổn định được sản lượng mục tiêu đối với dòng bao truyền thống, Công ty đã mở rộng được thêm thị phần đối với dòng sản phẩm mới Jumbo nhằm chuẩn bị thị trường cho Dự án mở rộng sản xuất.

- Công tác kỹ thuật sản xuất: có phần cải tiến đáng kể để duy trì sản xuất trong điều kiện cạnh tranh gay gắt về mẫu mã và giá thành sản phẩm. Các giải pháp công nghệ liên tục được tìm tòi và đưa vào ứng dụng nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng đối với chất lượng sản phẩm cũng như quy cách mẫu mã.
- Công tác quản lý chi phí: Đã được thực hiện công tác quyết toán đơn hàng trong từng đơn hàng ngay sau khi hoàn thành giao hàng. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá các chi phí trong cơ cấu giá thành nhằm nhận diện chính xác các chi phí để kịp thời điều chỉnh các giải pháp kiểm soát và giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, nhờ vậy việc kiểm soát chi phí có hiệu quả hơn. Ngoài ra, thường xuyên ra soát quy định, quy trình như quy trình mua sắm, quy trình xuất nhập kho, hàng tồn kho tối thiểu,... nhằm phù hợp với điều kiện thực tế và kiểm soát tốt chi phí và tài sản của Công ty.
- Tình hình biến động nhân sự: Trong năm vừa qua, Công ty phải đối mặt với tình trạng biến động lao động rất lớn, do tại địa bàn hoạt động của Công ty, ngày càng có nhiều nhà máy, cơ sở hoạt động được thành lập, có nhu cầu lớn về lao động. Số lao động bị thiếu hụt so với nhu cầu sản xuất xảy ra vào tháng 2, tháng 3 của năm. Đây cũng là tình trạng chung của các nhà máy khác và xảy ra hàng năm. Để giảm bớt sự phụ thuộc vào tình trạng biến động lao động, Công ty đẩy mạnh các giải pháp tăng tính tự động hóa, giảm số lượng công nhân vận hành máy.
- Quản lý công nợ: Bằng các giải pháp kiên trì và quyết liệt, Công ty duy trì mức nợ quá hạn ở mức thấp nhất, dưới 10% so với tổng doanh thu. Do đặc thù của ngành sản xuất bao bì, đồng thời trước áp lực cạnh tranh, công nợ thường kéo dài từ 45-60 ngày. Do vậy, tổng số dư nợ bình quân hàng tháng bằng khoảng 150% doanh thu.
- Quản lý hàng hóa, sắp xếp mặt bằng: Sắp xếp mặt bằng tổng thể, quy hoạch gọn gàng theo tiêu chí dễ kiểm, dễ tìm, dễ quản lý và thuận tiện cho việc di chuyển hàng hóa. Hiện mặt bằng sản xuất được giám sát chặt chẽ hàng ngày để đảm bảo chỉ để tồn tại hàng hóa đang trong quá trình sản xuất. Đối với hàng hóa thành phẩm hoàn thành sản xuất phải được nhập kho, hoặc hàng hóa xuất dư phải được tái nhập kho nhằm bảo quản và kiểm soát được hàng hóa.

## **II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

### **1. Danh sách Hội đồng quản trị**

#### **1.1 ÔNG PHẠM VĂN HIỂN – CHỦ TỊCH HĐQT**

- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

- Quá trình công tác:

Từ 09/1979-08/1981	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Nhân viên cơ yếu
Từ 09/1981-03/1984	Trường Cơ yếu Hà Nội	Học viên
Từ 04/1984-04/1985	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Cán bộ Cơ yếu
Từ 05/1985- 12/1988	Văn phòng Huyện ủy Côn Đảo – Cán bộ Cơ yếu	Bí thư Chi đoàn
Từ 01/1989- 10/1992	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo, Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Cán bộ Cơ yếu
Từ 11/1992–02/2003	Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Trưởng phòng Cơ yếu, Chi ủy viên Chi bộ tổng hợp
Từ 03/2003 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Từ 04/2008 đến nay	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hương Phong
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 208.280 cổ phần, chiếm 4,96% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện cho Công ty TNHH Hương Phong: 1.428.000 cổ phần, chiếm 34% vốn điều lệ
  - Những người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong nắm giữ 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn Điều lệ

## 1.2 ÔNG TRẦN ANH TÚ – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

Từ 1999-2001	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO	Phó phòng Luật

Từ 2001- 2007	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự	Trưởng Ban Dự án
Từ 2005- 2008	Công ty TNHH VIBank –NGT	Giám đốc Dự án
Từ 2008 - 2009	Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	Giám đốc điều hành
Từ 05/2009 – 6/2012	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó trưởng Ban Pháp chế
Từ 07/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,48% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 812.300 cổ phần, chiếm 19,34% vốn điều lệ
  - Những người có liên quan:

Trần Đăng Tuấn	Bố đẻ	10.000	0,24%
Phạm Thị Thoan	Mẹ đẻ	10.000	0,24%
Trần Hải Thanh	Em ruột	10.000	0,24%
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%

### 1.3 ÔNG LÊ HỒNG QUÂN – THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác

Từ 05/1995 – 03/2000	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Chuyên viên kế toán
Từ 04/2000 – 01/2002	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Phó phòng Kế toán

Từ 02/2002 – 07/2007	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1– Bộ XD	Kế toán trưởng
Từ 08/2007 – 08/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Phó phòng TCKT
Từ 09/2007 – 12/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Kế toán trưởng
Từ 01/2008 - 04/2009	Công ty tư vấn QLDA điện lực Dầu khí 2	Kế toán trưởng
Từ 05/2009 - 04/2010	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng
Từ 05/2010 – nay	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	UV BCH Đảng bộ, Kế toán trưởng
Từ 4/2012 – nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	TV HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 504.000 cổ phần, chiếm 12% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần chiếm 43,34% vốn điều lệ.

#### 1.4 BÀ TRẦN THỊ HỒNG QUYÊN – THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

01/2003 - 2012	Nhà máy Sản xuất Bao bì Hương Phong, sau này là CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó phòng Kế hoạch Vật tư
2012 – 02/2016	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư
02/2016 - Nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư, Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: không sở hữu cổ phiếu

### 1.5 BÀ HỒ THỊ MINH HÒA – THÀNH VIÊN HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Thương mại
- Quá trình công tác:

10/2003 – 3/2005	Công ty Du lịch Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (OSC)	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
4/2005 - 1/2006	Công ty TNHH Hương Phong	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
2/2006-2/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Thư ký Giám đốc
3/2008- 10/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
11/2008 - 3/2011	Công ty TNHH Hương Phong	Quyền Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
03/2011- 03/2016	Công ty TNHH Hương Phong	Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
03/2016 -12/2017	Công ty TNHH Hương Phong	Trưởng phòng Kinh doanh
01/2018-11/2018	Công ty TNHH Hương Phong	Tổ trưởng Tổ thiết bị Dầu khí
Từ 2009 đến nay	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 208 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 252.000 cổ phần (Công ty TNHH Hương Phong), chiếm 6% vốn điều lệ
- Người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong sở hữu 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ.

### 2. Danh sách Ban Kiểm soát

## 2.1 ÔNG CHU XUÂN HẢI – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

08/2006 - 05/2007	Văn Phòng Đại Diện DIO Implant tại Việt Nam	Nhân viên kinh doanh
06/2007 - 06/2008	Ngân hàng TMCP Nam Việt	Chuyên viên quan hệ khách hàng
07/2008 - 06/2010	Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN Tân Bình	Chuyên viên Khách hàng Doanh Nghiệp
06/2010- 06/2011	Ngân hàng TPCP Liên Việt Phòng Giao Dịch Tân Sơn Nhất	Quyền Giám Đốc
08/2011 - 10/2011	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam CN Gia Định	Phó phòng kiêm trưởng nhóm Khách hàng doanh
10/2011 – đến nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán
Từ 2013 đến nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần, chiếm 43,34% vốn điều lệ.

## 2.2 BÀ NGUYỄN THỊ THU OANH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 20/10/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

8/1996 - 5/2008	Công ty Liên Doanh Cityview	Chuyên viên kế toán
-----------------	-----------------------------	---------------------



5/2008 - 10/2009	Công ty Liên Doanh Cityview	Phó phòng kế toán
10/2009 đến nay	TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ năm 2011 đến nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần, chiếm 43,34% vốn điều lệ.

### 2.3 ÔNG PHẠM VĂN KHÁNH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 18/11/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

9/1986 – 8/1989	Trung đoàn 434, Quân đoàn 4	Chiến sỹ tài vụ Trung đoàn 434
9/1989 – 8/1983	XN Cơ điện lạnh, Công ty đầu tư xây dựng và thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
9/1993 – 12/1997	Trường đại học Mở Bán Công TP HCM và Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và	Học đại học và là Nhân viên phòng kế hoạch –kinh doanh
1/1997 – 12/1998	Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
1/1999 – 05/2003	Công ty phát hành phim và chiếu bóng Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Kế toán tổng hợp
6/2003- 12/2003	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán tổng hợp
12/2003-10/2016	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế toán
10/2016 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán trưởng
05/2008 – nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng - Công ty TNHH Hương Phong
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 270 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong sở hữu 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ.

### 3. Danh sách Ban Điều hành

#### 3.1 ÔNG TRẦN ANH TÚ – GIÁM ĐỐC

*(Thông tin như trên)*

#### 3.2. ÔNG TRƯƠNG ĐÌNH THANH – PHÓ GIÁM ĐỐC

*(Thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc kể từ ngày 1/8/2018)*

#### 3.3 ÔNG CAO VĨNH HẬU – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

1/2002 - 6/2003	CTCP Đầu tư công nghệ Bách Việt	Kế toán tổng hợp
7/2003 - 10/2004	IDICO CONAC	Kế toán tổng hợp
11/2004 – 2007	Nhà máy sản xuất Bao bì Hương Phong	Kế toán tổng hợp
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phần; chiếm 0,11%% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đặng Thị Thanh Thúy	Vợ	5.000	0,12
Cao Thị Mỹ Linh	Em ruột	3.000	0,07

#### 4. Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD trong năm 2018

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ đã ký quyết định thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Trương Đình Thanh kể từ ngày 01/08/2018. Lý do: Ông Trương Đình Thanh chuyển công tác và chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty.

#### 5. Số lượng cán bộ công nhân viên

<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>485</b>	<b>100,00%</b>
-	Trình độ trên đại học	1	0,20%
-	Trình độ đại học, cao đẳng	52	10,73%
-	Trình độ trung cấp	42	8,67%
-	Công nhân kỹ thuật	290	59,79%
-	Lao động phổ thông	100	20,61%
<b>B</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>485</b>	<b>100,00%</b>
-	Hợp đồng không thời hạn	155	31,97%
-	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	45	9,27%
-	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	285	58,76%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>485</b>	<b>100,00%</b>
-	Nam	220	35,36%
-	Nữ	265	54,64%

#### 6. Thu nhập bình quân

<b>Tổng số lượng người lao động (người)</b>	<b>468</b>	<b>505</b>	<b>485</b>
<b>Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)</b>	<b>7.510.000</b>	<b>7.250.000</b>	<b>7.670.000</b>

#### 7. Chính sách nhân sự

Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với Công ty, Công ty đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:

- Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty.
- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên và chế độ lương, thưởng, đãi ngộ theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với thị trường nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho CB.CNV, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và thị trường.
- Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.

### III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Hiện tại Công ty đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục xin phê duyệt đầu tư Dự án mở rộng dây chuyền sản xuất Bao bì Jumbo.

### IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

1	Tổng tài sản	Triệu đồng	237.719	196.875	20,8%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	447.932	396.111	13,08%
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	Triệu đồng	11.330	13.446	-15,74%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(403)	2.015	-120%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.926	15.461	-29%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.680	11.900	-27%

**Tổng tài sản:** Chỉ tiêu tổng tài sản của Công ty năm 2018 tăng 20% so với năm 2017, từ 196,87 tỷ đồng lên 237,7 tỷ đồng. Trong đó phần tăng nằm ở tài sản ngắn hạn và chủ yếu do khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho tăng lên. Trong năm 2018, Công ty tăng sản lượng thêm 6 triệu bao truyền thông và gần 300 nghìn bao Jumbo, tập trung vào hàng xuất khẩu. Đồng thời, Công ty duy trì chính sách bán hàng như các năm trước là thanh toán 30-60 ngày tùy theo đối tượng khách hàng và chủng loại mặt hàng nhằm khuyến khích người mua, giữ khách hàng nên khoản phải thu của khách hàng tăng cao. Ngoài ra, lượng hàng xuất khẩu gia tăng, trong khi nếu các đơn hàng trong nước, có thể chia thành nhiều đợt giao hàng thì đối với các đơn hàng xuất khẩu đi theo lô nên lượng thành phẩm hoàn thiện lưu kho tăng cao hơn năm trước.

**Doanh thu thuần:** năm 2018 đạt 447 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2017. Doanh thu tăng là do Công ty tăng sản lượng cung cấp ra ngoài thị trường.

**Lợi nhuận:** Lợi nhuận thực hiện trước thuế và sau thuế năm 2018 giảm so với lợi nhuận thực hiện năm 2017. Kết quả hoạt động của năm 2018 tương đối ổn định so với năm 2017, các chỉ số hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh không có sự biến động lớn. Tuy nhiên trong năm 2017, do thực hiện bán thanh lý tài sản cố định, phần thu nhập hơn 2 tỷ đồng từ việc bán thanh lý tài sản cố định đóng góp cho lợi nhuận 2017 đạt cao.

#### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,05	1,07
Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,59	0,49
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	72,46%	66,52%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	262,7%	198,70%

**Về khả năng thanh toán:** Năm 2018 chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm hơn so với năm 2017 0,02 điểm, chỉ số khả năng thanh toán nhanh tăng 0,1 điểm.

**Về cơ cấu vốn:** Tổng nợ trong năm 2018 của Công ty tăng mạnh nên làm cho hệ số

nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đều tăng cao so với năm 2017. Mặc dù nợ dài hạn của Công ty được giảm xuống như Công ty lại tăng mạnh khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, tăng thêm gần 30 tỷ đồng trong năm 2018. Với việc tăng sản lượng cung cấp ra ngoài thị trường làm tăng doanh thu, đồng thời làm tăng khoản phải thu và tồn kho tăng lên khiến nhu cầu vốn lưu động năm 2018 lớn hơn năm 2017. Trong khi đó, nguồn vốn lưu động của Công ty chủ yếu được bổ sung từ khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng. Công ty đã thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB). Mặc dù các chỉ tiêu ổn định ở mức cao, nhưng cùng với kế hoạch chi trả khoản nợ gốc và lãi vay được tính toán cẩn thận, nên các rủi ro về thanh toán của Công ty là trong vòng kiểm soát.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		Năm	Năm	ngày/vòng (2018)
		2018	2017	
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/tồn kho bình quân)	Vòng	5,4	6,31	68
Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân)	Vòng	8,00	8,04	45

**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Do là đơn vị sản xuất, quá trình sản xuất thường kéo dài nhiều ngày để hoàn thiện đơn hàng hoặc cho 1 lần giao hàng nên số hàng hóa lưu kho thành phẩm thường rất lớn. Do vậy chỉ số vòng quay hàng tồn kho thường thấp hay nói cách khác số ngày lưu kho dài hơn so với những đơn vị thương mại. Năm 2018, bình quân hàng hóa lưu kho khoảng 68 ngày. So với năm trước, hàng tồn kho tăng thêm 10 ngày, tốc độ quay vòng hàng hóa chậm hơn, chỉ số này giảm từ 6,31 xuống 5,4 vòng/năm. Đồng thời, trong năm 2018, vòng quay khoản phải thu là 8,00 vòng/năm tương ứng với việc số ngày bán hàng trả chậm là 45 ngày. So với năm 2017, chính sách bán hàng trả chậm của Công ty không thay đổi.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		Năm 2018	Năm 2017
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,93%	2,99%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,20%	18,06%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,60%	7,01%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,43%	3,39%

**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** Như lý do được nêu ở phần trên về chỉ số lợi nhuận đạt được trong năm 2017 là có sự đóng góp doanh số thu được đến 2,014 tỷ đồng từ hoạt động bán thanh lý tài sản cố định. Do đó các chỉ số chỉ tiêu khả năng sinh lời của năm 2018 đạt thấp hơn so với năm 2017. Tuy nhiên về hiệu quả hoạt động của năm 2018 vẫn đạt được sự ổn định như năm 2017.

## V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### 1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 4.200.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 4.200.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.200.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

### 2. Cơ cấu cổ đông:

(Chốt ngày 26/03/2019)

<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>134</b>	<b>4.097.700</b>	<b>40.977.000.000</b>	<b>97,56%</b>
1	Cổ đông nhà nước	0	-	-	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	2	3.500.300	35.003.000.000	83,34%
3	Cổ đông cá nhân	134	597.400	5.974.000.000	14,22%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>5</b>	<b>102.700</b>	<b>1.027.000.000</b>	<b>2,44%</b>
1	Cá nhân	3	101.100	1.011.000.000	2,41%
2	Tổ chức	2	1.200	12.000.000	0,03%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>139</b>	<b>4.200.000</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### Danh sách cổ đông lớn

1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.820.300	43,34%
---	---	-----------	--------

2	Công ty TNHH Hương Phong	1.680.000	40,00%
---	--------------------------	-----------	--------

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: **Không có.**

Giao dịch cổ phiếu quỹ: **Không có.**

Các chứng khoán khác: **Không có.**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: **Không**

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: **Không**

e) Các chứng khoán khác: **Không**

## VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### 1. Chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường

Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động tích cực và tiêu cực tới vấn đề môi trường và ngược lại môi trường cũng góp phần tạo nên những thuận lợi hay khó khăn trong việc sản xuất. Mọi hoạt động của Doanh nghiệp đều ảnh hưởng đến môi trường, nhất là đối với những Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nói chung và Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng. Hiểu được điều đó, Công ty áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, khí thải, quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời vừa tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu, vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo vệ môi trường. Các biện pháp áp dụng tại Công ty như sau:

#### a. Biện pháp chung:

- + Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và tuân thủ các chỉ tiêu đã đăng ký.
- + Các quy trình sản xuất luôn được kiểm tra và tuân thủ theo quy định, hạn chế tối đa việc phát thải ra môi trường. Tuy việc tác động đến môi trường là không thể tránh khỏi nhưng bằng việc tuân thủ theo quy trình, kịp thời sửa chữa những lỗi kỹ thuật sẽ góp phần hạn chế sự tương tác gây ô nhiễm cho môi trường.
- + Sử dụng các thiết bị, dây chuyền một cách hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và các nguyên liệu thô; hướng đến việc sử dụng những nguồn năng lượng sạch, năng lượng thiên nhiên nhằm không tạo ra những chất độc hại, thải khói bụi ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh Công ty.
- + Tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động, công nhân viên về tác động tiềm tàng của hoạt động nhà máy đối với môi trường, và các biện pháp thích hợp để giảm thiểu các tác động đó.



- + Liên tục theo dõi các tác động của nhà máy đối với môi trường, phân công cán bộ chuyên trách phụ trách về công tác an toàn, vệ sinh, môi trường.

**b. Các biện pháp khống chế chất thải:**

**- Khống chế ô nhiễm không khí**

- + Bố trí thông thoáng nhà xưởng, đặc biệt là tại các vị trí làm việc có dung môi và hóa chất.
- + Khống chế bụi và khí thải: Phun nước, che phủ, lắp đặt hệ thống thông gió, thu bụi, trang bị bảo hộ cho người lao động, vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.
- + Khống chế ô nhiễm hơi hydrocarbon phát sinh trong quá trình gia nhiệt: hệ thống thông gió và mang khẩu trang bảo hộ.
- + Khống chế ô nhiễm khí thải các phương tiện vận chuyển: Sử dụng nhiên liệu ít gây ô nhiễm, đúng với thiết kế động cơ, chuyên chở đúng tải, bảo dưỡng xe định kỳ, chạy tốc độ chậm. Chống nóng: xây nhà xưởng cao, trang bị hệ thống hút gió trên mái, lắp quạt gió cục bộ tại nơi công nhân sản xuất, cung cấp nước mát cho công nhân, trồng cây quanh nhà xưởng,...

**- Khống chế ô nhiễm nước thải:** Phương thức chủ yếu là hạn chế nước thải phát sinh, xử lý triệt để nguồn nước thải trước khi đổ ra hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp. Nước thải được chia thành 3 nhóm để xử lý. Nước thải sản xuất và nước thải từ bể phốt được tách riêng xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung.

- + Xử lý nước thải sản xuất: Sử dụng tuần hoàn. Định kỳ thay thế nước. Nước thải chứa cặn được thu gom đưa vào hệ thống xử lý ngăn lắng và vi sinh sau đó thải ra ngoài. Nước thải rửa các khuôn in, thiết bị pha chế bột máy, dầu nhớt máy,... được thu gom bảo quản riêng và thuê đơn vị có chức năng thu gom rác thải nguy hại xử lý. Do đặc điểm là lượng thải ít, nên thời gian thu gom sẽ tiến hành định kỳ từ 3 đến 6 tháng một lần, hoặc có thể tiến hành xử lý đột xuất nếu cần thiết.
- + Xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thiết kế thu gom riêng, qua bể tự hoại 3 ngăn, sử dụng Clorin để xử lý.
- + Xử lý nước mưa: Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước thông qua song chắn rác, qua bể lắng cát và đưa vào cống thoát nước Khu công nghiệp.

**- Khống chế ô nhiễm chất thải lỏng:** Chất thải lỏng có ảnh hưởng tới môi trường chủ yếu là màu in, nhưng số lượng không nhiều; mặc dù vậy, màu in dư thừa sẽ được thu

gom và bảo quản để sử dụng cho các lô hàng tiếp theo; màu in không còn sử dụng nữa sẽ được thu gom trong các phuy hoặc thùng kín và sẽ tiến hành xử lý như đối với chất thải rắn, do đơn vị có chức năng xử lý môi trường tiến hành.

- **Khống chế ô nhiễm chất thải rắn:** Việc thu gom các chất phế thải rắn có tính chất nguy hại sẽ được thực hiện liên tục và tập trung tại vị trí nhất định (được quy hoạch thành khu vực riêng biệt), được phê duyệt của cơ quan quản lý môi trường, các chất thải này sẽ được đơn vị có chức năng và được phép mang đi xử lý. Công ty sẽ ưu tiên việc hoán trả bao bì cho nhà cung cấp để giảm chi phí bao bì cũng như giảm chi phí xử lý.
  - + Chất thải rắn công nghiệp có nguồn gốc từ nguyên liệu nhựa PP, PE: Toàn bộ chất thải này được sử dụng thông qua máy tái chế làm nguyên liệu cho sản xuất chính.
  - + Chất thải sản xuất rắn không nguy hại khác: Đối với nhựa thì đưa vào tái chế, đối với giấy thì thu gom bán phế phẩm cho các nhà máy giấy.
  - + Chất thải rắn nguy hại: Chất thải rắn nguy hại chủ yếu gồm: bao bì, thùng chứa các loại mực in, dung môi, cặn dầu, giẻ lau, bóng đèn neon, với khối lượng khoảng 200kg/tháng. Rác thải này được thu gom, xử lý theo 2 hướng: (i) đối với thùng chứa mực in, dung môi thì bán hoặc trao đổi lại cho nhà sản xuất; (ii) đối với cặn dầu, giẻ lau, bóng đèn thì thu gom vào xô rác có nắp đậy (số lượng khoảng 70 kg/tháng) và thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý rác thải nguy hại thu gom 3 đến 6 tháng 1 lần.
  - + Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày vào khu vực chứa rác thải sinh hoạt, sau đó được công ty môi trường đô thị thu gom 2 lần/ tuần.
- **Tỷ lệ trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy:** Cây xanh sẽ được duy trì trồng xung quanh nhà xưởng nhằm tạo cảnh quan thiên nhiên, cải thiện trao đổi không khí và hạn chế sự phát tán ô nhiễm bụi, ồn, khí thải ra xung quanh. Cùng với đường xá, sân bãi, tổng diện tích cây xanh và đường xá sân bãi được đảm bảo trên 20% diện tích đất sử dụng.

### c. Quản lý và sử dụng năng lượng, nguyên liệu

- **Sử dụng nguồn nguyên vật liệu:** Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Trong năm sử dụng 4.000 tấn hạt nhựa để sản xuất sản phẩm. Tỷ lệ phế phẩm trong năm 2018 là 5.5%, trong đó phế phẩm được tái sinh là 90% và 100% nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm của Công ty. Với ngành nghề sản xuất bao bì như Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ, việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế

có một ý nghĩa nhất định nếu thực sự khai thác tốt nguồn tái chế này. Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn khuyến khích công nhân nhà máy sử dụng nguyên vật liệu đúng và đủ nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.

- **Tiêu thụ năng lượng điện:** Tổng điện năng tiêu: 6.250.000 kWh/năm. Đối với doanh nghiệp sản xuất như Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất nhiều. Công ty đánh giá với mức sử dụng như trên là hợp lý. Ngoài ra, ý thức được việc sử dụng điện ở mức hợp lý là điều cả xã hội hiện đang quan tâm. Công ty chú ý đề ra các biện pháp như: giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm... tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy và phòng làm việc, tắt các thiết bị điện khi không sử dụng. Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý năng lượng, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng học giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.
- **Tiêu thụ nước:** Nước là nguồn tài nguyên vô giá nhưng lại không vô tận, chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết nhất là việc sử dụng nước vào trong sản xuất với một lượng lớn như hiện nay. Do hệ thống sản xuất sử dụng nước tuần hoàn nên lượng nước sử dụng tại Nhà máy chủ yếu cho mục đích sinh hoạt. Công ty sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước sạch cung cấp với tổng lượng nước sử dụng 55.000 m<sup>3</sup> trong năm vừa qua. Ban lãnh đạo Công ty lưu ý về các phòng ban những quy định về ý thức tiết kiệm nước bằng các biện pháp:
  - + Khóa kỹ các vòi nước khi không dùng, sửa chữa ngay khi có dấu hiệu nhỏ giọt.
  - + Kiểm tra và khắc phục rò rỉ ống nước định kỳ để có biện pháp khắc phục nhanh nhất.
  - + Tận dụng nước sử dụng nhiều lần.
  - + Các biện pháp khác

## 2. Chính sách liên quan đến người lao động

- Công ty có 1 cán bộ y tế chăm sóc, tư vấn sức khỏe cho CBCNV hàng ngày. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám phụ khoa cho CBCNV nữ 2 lần/năm; khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV 2 lần/năm. Tính đến thời điểm hiện nay tại Công ty không có CBCNV nào bị mắc bệnh nghề nghiệp. Công ty duy trì chế độ ăn ca 30.000đ/suất ăn, bồi dưỡng hiện vật hàng ngày cho CBCNV làm tại vị trí được xác định là tiếp xúc với độc hại; hỗ trợ tiền thuê nhà trọ cho CBCNV ở xa với mức 200.000đ/người/tháng, tổ chức tặng quà bằng hiện vật hoặc bằng tiền vào các ngày lễ, sự kiện quan trọng của Công ty.

- Hoạt động đào tạo nghề chủ yếu được thực hiện đối với những lao động trực tiếp sản xuất. Người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty sẽ được đào tạo nghề từ 1-3 tháng tùy bộ phận sản xuất. Hàng năm người lao động được tái đào tạo an toàn cũng như quy trình công nghệ, vận hành đối với mỗi loại máy móc thiết bị. Đối với CBCNV khối gián tiếp và quản lý Công ty chú trọng đào tạo những kỹ năng mềm như: kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng, các kỹ năng về quản lý sản xuất.

### **3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Ưu tiên tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương,
- Tích cực hưởng ứng và đóng góp cho các cuộc phát động gây quỹ như quỹ phòng chống bão lụt, thiên tai, ...
- Hỗ trợ trung tâm bảo trợ xã hội tại địa phương thông qua việc tạo việc làm ổn định bằng dịch vụ đặt gia công lồng bao sản phẩm của Công ty.
- Góp quỹ Nguyễn Văn Thạc để trao 10 suất học bổng cho trẻ em nghèo vượt khó tại địa phương.

### PHẦN III

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Trong bối cảnh thị trường năm 2018 tiếp tục cạnh tranh gay gắt, nhu cầu thị trường thường xuyên thay đổi, biến động giá nguyên vật liệu khó dự báo, chi phí đầu vào tăng, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Nhìn chung, các chỉ tiêu của Công ty trong năm 2018 đã hoàn thành kế hoạch đặt ra.

#### II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

##### 1. Tình hình tài sản

*ĐVT: Triệu đồng*

Tài sản ngắn hạn	165.063	119.659	37,94%	45.404
Tài sản dài hạn	72.657	77.216	- 5,9%	- 4.559
<b>Tổng tài sản</b>	<b>237.720</b>	<b>196.875</b>	<b>20,80%</b>	<b>40.315</b>

- Trong năm 2018, tổng tài sản của Công ty tăng 20,8% so với năm 2017, với tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng 60,78% lên 69,59%, và ngược lại, tỷ trọng tài sản dài hạn trong tổng tài sản giảm từ 39,22% xuống còn 30,41%.
- Cơ cấu tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn trong năm vừa qua tăng 37,94%, tương đương 45,404 tỷ đồng so với năm 2017. Trong đó, sự đóng góp chính đến từ 2 khoản mục khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Lý do sự gia tăng này là do Công ty tăng sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ, đồng thời duy trì chính sách bán hàng với thời hạn thanh toán từ 30-60 ngày dẫn đến khoản phải thu tăng. Đồng thời, cũng do việc tăng quy mô sản lượng nên lượng nguyên vật liệu dự trữ cho sản xuất và lượng hàng lưu kho thành phẩm tăng lên do phải tích lũy đủ số hàng đi theo lô, theo đợt.
- Cơ cấu tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn năm 2018 giảm nhẹ so với năm 2017, tương ứng giảm 4,559 tỷ đồng. Trong năm 2017, Công ty thực hiện thanh lý đối với tài sản

đã hết khấu hao hoặc không còn giá trị sử dụng đồng thời bổ sung mua sắm tài sản cố định theo yêu cầu sản xuất và nguyên giá tài sản cố định tăng thêm 3,5 tỷ đồng, tuy nhiên, do phần hao mòn lũy kế của tổng tài sản năm 2018 lớn hơn tài sản tăng lên do đó làm cho tổng giá trị tài sản dài hạn giảm so với năm 2017.

## 2. Tình hình nợ phải trả

*DVT: Triệu đồng*

Nợ ngắn hạn	156.930	111.411	41,00%	91,15%	85,07%
Nợ dài hạn	15.252	19.553	-22%	8,85%	14,93%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>172.182</b>	<b>130.964</b>	<b>31,59%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

- Tổng nợ hàng năm của Công ty thường ở mức cao là do Công ty chủ yếu sử dụng vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn tự có của Công ty rất ít so với nhu cầu vốn để đáp ứng hoạt động hàng ngày. Đồng thời khoản đầu tư mở rộng sản xuất, làm tăng tài sản của Công ty không phải do nguồn vốn góp bổ sung của chủ sở hữu mà đều từ nguồn vốn vay. Do đó, tổng nợ của Công ty thường ở mức cao. Năm 2018, tổng nợ của Công ty tăng 31,59% so với năm 2017, chủ yếu là do sự gia tăng của nợ ngắn hạn.
- Nợ ngắn hạn năm 2018 tăng 41% so với năm 2017 là do việc vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng mạnh. Nguồn vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty là từ vốn vay. Năm 2018, Công ty tăng sản lượng sản xuất nên nhu cầu vốn lưu động nhiều hơn, do đó Công ty tăng hạn mức tín dụng tại các ngân hàng. Ngoài ra, năm 2018, tình hình biến động tăng tỷ giá hối đoái cũng góp phần làm tăng đáng kể trong chi phí vay và nợ tài chính ngắn hạn. Và do vậy làm cho nợ ngắn hạn tăng lên. Tuy nhiên, các khoản vay này đều nằm trong sự kiểm soát và hạn mức đảm bảo an toàn vốn.
- Nợ dài hạn trong năm 2018 giảm hơn 4 tỷ, tương ứng giảm 22% so với năm 2018, là do Công ty đã trả các khoản vay đầu tư của Dự án Jumbo giai đoạn 3 cho mục đầu tư dây chuyền, máy móc thiết bị theo kế hoạch thanh toán nợ gốc hàng năm.

## III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- Công ty đã tạo dựng được niềm tin với khách hàng, ổn định thị trường đạt được mức sản phẩm khai thác tối ưu công suất thiết bị đối với dòng sản phẩm bao bì truyền thống. Đối với dòng sản phẩm mới bao bì Jumbo, Công ty đã mở rộng thị trường, khai thác vượt công suất tại một số công đoạn để nhằm giữ thị phần chuẩn bị cho Dự án mở rộng dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo.

- Cơ cấu tổ chức được sàng lọc theo hướng tinh gọn, mặc dù mở rộng sản xuất nhưng số lượng cán bộ khối gián tiếp giảm xuống. Các phòng ban được sắp xếp lại, giảm người và bố trí kiêm việc vừa tận dụng quỹ thời gian làm việc vừa tăng thu nhập cho người lao động.
- Nêu cao công tác giám sát, kiểm soát chặt chẽ về việc tuân thủ nội quy lao động, nội quy sản xuất, phạt vi phạm với các lỗi do chủ quan, ý thức cá nhân gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty.
- Tính toán áp định mức lao động áp dụng cho từng sản phẩm trên cơ sở theo dõi thực tế sản xuất và được phổ biến, công khai đầy đủ kịp thời tới từng công nhân mỗi khi có sự thay đổi sản phẩm. Nhờ vậy người lao động chủ động trong việc tính toán được thu nhập, cố gắng tăng năng suất để tăng thu nhập.
- Đã thực hiện việc quyết toán theo từng đơn hàng (trước đó chỉ thực hiện quyết toán được theo tháng) để từ đó kịp thời đưa ra các giải pháp quản lý sản xuất hiệu quả cho từng đơn hàng, từng chủng loại sản phẩm.
- Đã thực hiện kiểm soát phế theo ngày, đánh giá và phân tích nguyên nhân gây phế, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp tiết giảm phế tại từng khâu, từng công đoạn nhằm đạt được mục tiêu hạ thấp tỷ lệ phế xuống dưới 5%.
- Bố trí tổng thể mặt bằng sản xuất, lắp đặt hệ thống giá kệ chất hàng, phân chia khu vực rõ ràng cho từng bộ phận quản lý và chịu trách nhiệm trên mặt bằng phạm vi được giao. Nhờ vậy hàng hóa được kiểm soát chặt chẽ kể cả trong quá trình sản xuất lẫn lưu kho.
- Công tác cải tiến thiết bị nhằm tăng năng suất và tăng tự động hóa đã đạt được kết quả nhất định. Công ty tiếp tục thực hiện trong năm 2019 để đạt hiệu quả cao hơn.

#### **IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**

- Công ty xác định các mục tiêu kế hoạch để phát triển như sau:
  - + Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.
  - + Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
  - + Đáp ứng 100% nhu cầu bao bì chứa phân bón cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) và các đơn vị thành viên PVFCCo. Đáp ứng tối đa nhu cầu cho các khách hàng trong và ngoài nước trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả.
  - + Hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
  - + Hoàn thành đầu tư đồng bộ dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo.

- + Bảo đảm quyền lợi của người lao động và lợi ích của cổ đông.
- + Bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả, chế độ đãi ngộ xứng đáng cho người lao động.
- + Tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, củng cố liên kết ngành hiệu quả, nâng cao kỹ năng và tay nghề làm việc tổng thể.
- + Không vi phạm các quy định về việc minh bạch thông tin áp dụng đối với các công ty đã niêm yết.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
  - + Luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu cho công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc gây ảnh hưởng/ tác động xấu đến môi trường.
  - + Luôn coi trọng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm theo thỏa thuận với khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
  - + Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
  - + Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng

#### V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

*Không có*

#### VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI.

- **Chính sách môi trường:** Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác an toàn – sức khỏe – môi trường đến các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Trong năm 2018, Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời cũng tiết kiệm vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo vệ môi trường. Năm 2018, tại Công ty không xảy ra tình huống vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường và không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường
- **Chính sách nhân sự:** Người lao động được chăm lo đầy đủ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cuộc sống. Trong năm 2018, Công ty đã ban hành các quy định liên quan trực tiếp đến người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, đảm bảo tính dân chủ và phù hợp với tình hình kinh doanh, mô hình quản lý của Công ty cổ phần niêm yết. Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của Công ty đến lợi ích chính đáng của người lao động nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.



- **Công tác an sinh xã hội** cũng được Công ty quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương.

## PHẦN IV

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 được xây dựng tại thời điểm cuối năm 2017 trong bối cảnh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều yếu tố thuận lợi về tình hình thị trường và các xu thế biến động giá theo diễn biến của năm hoạt động. Tuy nhiên, sang năm 2018, tình hình thị trường thay đổi, trong đó sự biến động tăng về giá nguyên vật liệu, lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, tác động trực tiếp đến giá thành, làm phát sinh chi phí sản xuất. Trong khi đó, đứng trước áp lực cạnh tranh gay gắt, giá thành sản xuất được điều chỉnh tăng nhưng không tăng tương ứng với mức tăng chi phí hoặc có những sản phẩm buộc phải điều chỉnh giảm giá bán do cùng chia sẻ với khách hàng khó khăn chung của thị trường. Trước thực tế khó khăn gặp phải, trong quý 3/2018, Hội đồng quản trị đã thông qua việc điều chỉnh các chỉ tiêu chính của kế hoạch đã được phê duyệt tại thời điểm đầu năm. Kết quả hoạt động tính đến hết năm, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức.

Những biến động lớn nhất làm giảm doanh thu, tăng chi phí trong năm 2018 phải kể đến việc ấn định giảm giá bán dòng bao phân bón trong 6 tháng cuối năm 2018 và tiếp tục duy trì áp giá thị trường cho nhà cung cấp trong năm 2019. Đối với các dòng bao khác, Công ty cũng không thể tăng giá bán do phải cạnh tranh với các đối thủ mạnh trong và ngoài nước. Trong khi đó, chi phí đầu vào lại tăng mạnh, như chi phí nguyên vật liệu, chi phí trích bảo hiểm cho người lao động, chi phí điện nước, sử dụng dịch vụ đều tăng cao. Đó là những thách thức vô cùng lớn đối với Công ty về việc giữ mức lợi nhuận đạt được mục tiêu, kỳ vọng của các cổ đông. Để vượt qua thách thức, khó khăn từ những yếu tố khách quan, nội tại Công ty phải chủ động quản lý có hiệu quả công tác sản xuất, cải tiến thiết bị tăng năng suất, tăng chất lượng công việc.

Năm 2018, tình hình thị trường, khách hàng duy trì sự ổn định, có sự gia tăng thị phần ở dòng sản phẩm bao bì mới là dòng Jumbo. Sự ổn định thị trường đạt được mục tiêu khai thác hiệu quả thiết bị. Tuy nhiên, cần tiếp tục đẩy mạnh mở rộng thị trường dòng bao bì Jumbo để khai thác có hiệu quả hơn thiết bị máy tạo sợi.

Công tác nhân sự: mặc dù phải đối mặt với tình trạng biến động lao động rất lớn tại địa bàn hoạt động, song Công ty đã đáp ứng được lực lượng lao động hoàn thành kế hoạch sản xuất. Ngoài ra, Ban điều hành thường xuyên rà soát, xây dựng phương án

bổ trí nhân sự hợp lý và đưa ra những quyết định về công tác cán bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động của Công ty, đảm bảo đội ngũ cán bộ chủ chốt có đủ năng lực, điều hành một cách có hiệu quả đối với cán bộ cấp quản lý và khối gián tiếp. Trong năm qua, đã có sự tinh giản bộ máy mà vẫn đáp ứng yêu cầu công việc, qua đó vừa làm giảm chi phí quản lý, vừa tăng hiệu quả làm việc.

Công tác quản lý và sử dụng vốn, đặc biệt là công tác quản lý công nợ được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn về tài chính. Xây dựng, điều chỉnh kịp thời quy định hạn mức công nợ phải thu để phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh. Đồng thời, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nêu cao tinh thần tự giác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của CBNV và tiết giảm tối đa các chi phí trong mọi mặt hoạt động.

Ngoài ra, công tác an toàn luôn được Công ty quan tâm duy trì và đặt lên hàng đầu. Kết quả trong năm 2018, Công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh. Công tác an ninh, phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng.

Riêng công tác triển khai Dự án đầu tư: Do phải tuân thủ các thủ tục của cơ quan Nhà nước nên việc triển khai kéo dài.

## **II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Trong điều kiện khó khăn phải đối mặt trong năm qua, Hội đồng quản trị đánh giá cao về sự linh hoạt của Ban điều hành Công ty trong việc chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành. Kết thúc năm 2018, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Ban điều hành đã tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT một cách đầy đủ, kịp thời giúp hoạt động sản xuất – kinh doanh tại công ty ổn định và có hiệu quả.

## **III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Tiếp tục tổ chức công việc của HĐQT theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban điều hành.
- Cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền phê duyệt/cho ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định, phù hợp với tình hình mới.

- Chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019 theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty.
- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, mô hình công ty niêm yết và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, công tác phòng
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- ngừa rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 được Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHĐCĐ giao.
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## PHẦN V

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### 1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên (nhiệm kỳ 2013-2018), trong đó có 1 Chủ tịch là thành viên kiêm nhiệm, 1 thành viên điều hành, giữ chức vụ Giám đốc Công ty và 3 thành viên kiêm nhiệm, không điều hành.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Phạm Văn Hiến	CT HĐQT Kiêm nhiệm	1.428.000	208.280	1.636.280
2	Trần Anh Tú	TV.HĐQT, Giám đốc	1.064.300	20.000	1.084.300
3	Hồ Thị Minh Hòa	TV.HĐQT Kiêm nhiệm	252.000	208	252.208
4	Lê Hồng Quân	TV.HĐQT Kiêm nhiệm	756.000	0	756.000
5	Trần T.Hồng Quyên	TV.HĐQT Kiêm nhiệm	0	5.000	5.000

##### 2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung theo thẩm quyền của HĐQT. Đồng thời, từng thành viên có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, giám sát, HĐQT họp tổng nhất và ra quyết định.

##### 3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2018, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Các thành viên HĐQT thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ cập nhật thông tin, báo cáo do Ban điều hành cung cấp, thảo luận trực tiếp tại các phiên họp hoặc thông qua phương tiện thông tin để cho ý về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

Hội đồng quản trị làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, lắng ý kiến các thành viên thông qua hình thức phiếu xin ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty. Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 phiên họp chính thức và cho ý kiến bằng văn bản. Các nội dung đã được thông qua như sau:

- Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty.
- Phê duyệt và giao triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Chỉ đạo Ban điều hành lập kế hoạch dòng tiền năm 2018 và kiểm soát chặt chẽ thực hiện kế hoạch dòng tiền.
- Thông qua kế hoạch tổ chức và tài liệu ĐHCĐ thường niên 2018;
- Thông qua việc ký kết các Hợp đồng kinh tế với Người có liên quan
- Phê duyệt hạn mức công nợ phải thu từng quý;
- Phê duyệt hạn mức tín dụng tại các ngân hàng;
- Thông qua việc thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Trương Đình Thanh kể từ ngày 1/8/2018.
- Phê duyệt phương án chia thưởng Ban lãnh đạo được thông qua chủ trương tại Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 và năm 2017.
- Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018;
- Thực hiện chia cổ tức năm 2017;
- Thông qua việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018
- Chỉ đạo Ban điều hành trong công tác tài chính cần có kế hoạch chi đạo rõ, gắn trách nhiệm với yêu cầu công việc. Cần chủ động trong việc bố trí nguồn tiền đáp ứng yêu cầu sản xuất, không để xảy ra tình trạng thiếu tiền gây khó khăn/chậm triển khai sản xuất.
- Chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên xem xét chính sách nhân sự phù hợp với tình hình thực tế để giữ lao động, thu hút nhân sự phục vụ cho nhu cầu hiện tại và chuẩn bị cho Dự án mở rộng dây chuyền sản xuất bao Jumbo.

- Lưu ý triển khai thủ tục đầu tư Dự án Jumbo mở rộng, đối với các hạng mục đầu tư đòi hỏi thời gian thực hiện kéo dài, tiến hành đàm phán trước và thực hiện các thủ tục trong phạm vi cho phép của pháp luật. Yêu cầu hoàn thiện các thủ tục đầu tư nhằm sớm đưa Dự án vào hoạt động.
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu, báo cáo đề xuất đầu tư khai thác 2ha đất trống.
- Lưu ý Ban điều hành về việc tiếp tu ý kiến của Ban kiểm soát về việc kiểm soát dòng tiền và thực hiện trong phạm vi hạn mức tín dụng mà Hội đồng quản trị đã thông qua.
- Thống nhất với đề xuất giới thiệu nhân sự vị trí Phó Giám đốc Kỹ thuật. Giao cho Giám đốc đánh giá và đề xuất bổ nhiệm khi thấy ứng viên đáp ứng các tiêu chí vị trí bổ nhiệm.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2019.
- Việc bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được thực hiện tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
- Thống nhất kế hoạch tổ chức Tổng kết, Tất niên Công ty theo báo cáo của Giám đốc Công.

Các phiên họp HĐQT chính thức và xin ý kiến bằng văn bản được ban hành thông qua Nghị quyết cuộc họp trong năm 2018 như sau:

Stt	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	02/NQ - HĐQT	05/02/2018	NQ Họp HĐQT kỳ 1 năm 2018
2	05/NQ - HĐQT	22/03/2018	NQ Thông qua việc vay vốn tại các ngân hàng
3	07/NQ-HĐQT	23/03/2018	NQ Họp HĐQT kỳ 2 năm 2018
4	10/NQ-HĐQT	30/05/2018	NQ thống nhất phương án chia thưởng ban lãnh đạo Công ty.
5	12/NQ-HĐQT	13/07/2018	NQ thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.
6	14/NQ - HĐQT	18/07/2018	NQ thông qua việc ký kết hợp đồng kinh tế với người có liên quan.
7	16/NQ - HĐQT	07/08/2018	NQ đồng ý áp dụng mức công nợ phải thu Quý 3/2018.
9	18/QĐ - HĐQT	07/08/2018	QĐ ông Trương Đình Thanh thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty.
10	21/NQ - HĐQT	26/09/2018	NQ Thông qua việc tổ chức ĐHCĐ bất thường 2018.

Stt	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
11	22/NQ - HĐQT	26/09/2018	NQ Thông qua việc điều chỉnh KH SXKD 2018
12	25/NQ - HĐQT	26/09/2018	NQ Họp HĐQT kỳ 3 năm 2018.
13	28/NQ - HĐQT	31/12/2018	NQ Họp HĐQT quý 4 năm 2018.

#### 4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập

#### 5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

**Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

- Ông Phạm Văn Hiến, Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Anh Tú, Thành viên HĐQT, Giám đốc
- Ông Lê Hồng Quân, Thành viên HĐQT,
- Bà Hồ Thị Minh Hòa, Thành viên HĐQT

**Danh sách các thành viên HĐQT chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

- Bà Trần Thị Hồng Quyên, Thành viên HĐQT

## II. BAN KIỂM SOÁT

### 1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ gồm 3 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cp có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Chu Xuân Hải	Trưởng ban	0	0	0
2	Phạm Văn Khánh	Thành viên	0	270	270
3	Nguyễn Thị Thu Oanh	Thành viên	0	0	0

### 2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.



- Trong năm 2018, hàng quý Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp để đánh giá kết quả kiểm tra giám sát và thảo luận về kế hoạch kiểm tra giám sát quý tiếp theo và thực hiện lấy ý kiến bằng email các vấn đề: Báo về hoạt động của Ban kiểm soát; Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; Tờ trình và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018; Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm;
- Hàng quý Ban kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát đến HĐQT, Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty đồng thời đã có những kiến nghị về: xây dựng kế hoạch quản lý vốn lưu động; kiểm soát thu hồi công nợ quá hạn, tăng cường kinh doanh dòng bao jumbo để khai thác hiệu quả máy móc đã đầu tư; thủ tục thực hiện khi có thay đổi so với phê duyệt trong công tác mua sắm; phân tích đánh giá rủi ro về cơ cấu tài chính và dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề trong phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản như: xây dựng kế hoạch; nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong năm 2018 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.

### 3. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1	<b>Sản lượng sản xuất</b>				
2	Dòng bao truyền thống	Tr.bao	59,64	62,75	105%
3	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	688	712	103%
4	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>				
5	Dòng bao truyền thống	Tr. bao	59,44	61,88	104%
6	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	722	702	97%
7	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>445,24</b>	<b>448,97</b>	<b>101%</b>
8	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>434,21</b>	<b>438,05</b>	<b>101%</b>
9	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>11,03</b>	<b>10,93</b>	<b>99%</b>
10	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>8,80</b>	<b>8,68</b>	<b>99%</b>
11	<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>17%</b>	<b>17%</b>	<b>100%</b>
12	<b>Nộp NSNN</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>23,06</b>	<b>14,42</b>	<b>62,5%</b>
13	<b>Lao động BQ</b>	<b>Người</b>	<b>556</b>	<b>485</b>	<b>87%</b>
14	<b>Quỹ lương</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>52,35</b>	<b>44,5</b>	<b>87%</b>
15	<b>Đầu tư XDCB và Mua sắm</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>21,34</b>	<b>9,52</b>	<b>45%</b>

- Trong năm 2018, do chịu ảnh hưởng từ việc điều chỉnh giá bán dòng bao phân bón từ quý 3 nên vào tháng 9/2018, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm kế hoạch sản xuất kinh doanh trong đó giảm chỉ tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức như được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đến cuối năm 2018 về cơ bản là hoàn thành kế hoạch.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện chia cổ tức năm 2018 căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2018 với tỷ lệ thực hiện là 17%, thực hiện vào tháng 6/2018.

#### **4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:**

- Nhìn chung, BCTC của Công ty đã phản ánh trung thực trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **5. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban GD:**

- Hội đồng quản trị Công ty với 05 thành viên đã được phiên họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 thông qua, các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp và các lần tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Giám đốc đã triển khai công tác sản xuất kinh doanh trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban giám đốc đã tổ chức họp bàn bạc, thống nhất, phân công chỉ đạo các phòng ban triển khai và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội Đồng quản trị, Báo cáo của Giám Đốc Công ty đã phản ánh trung thực về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty.
- Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2018 Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả và đem lại lợi ích cho các cổ đông.

#### **6. Đánh giá sự phối hợp của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành với Ban kiểm soát**

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng/bộ phận của công ty, đã duy trì mối quan hệ làm việc và phối hợp trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty,

của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật.

### 7. Kiến nghị:

Kiểm soát và thu hồi các khoản công nợ;

Thường xuyên đánh giá rủi ro liên quan đến các dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính nhằm hạn chế rủi ro trong công tác quản lý dòng tiền.

### 8. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế/quy định nội bộ trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các công việc khác theo quy định pháp luật hiện hành.

## III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH VÀ BKS

### 1. Chế độ tiền lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, BĐH

Công ty áp dụng chế độ trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, trả thù lao và lương cho thành viên điều hành cho thành viên HĐQT điều hành và thành viên trong Ban điều hành tuân theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên của Công ty. Chi tiết các khoản tiền lương, thù lao, lợi ích như sau:

*ĐVT: đồng*

Stt	Chức danh	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng
<b>I.</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		<b>781.460.000</b>	<b>216.000.000</b>	<b>205.740.000</b>	<b>1.203.200.000</b>
1	Ông Phạm Văn Hiến	CT HĐQT kiêm nhiệm	0	48.000.000	60.480.000	108.480.000
2	Ông Trần Anh Tú	TV HĐQT Giám đốc	528.460.000	42.000.000	54.540.000	625.000.000

Stt	Chức danh	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng
3	Ông Lê Hồng Quân	TVHDQT kiêm nhiệm	0	42.000.000	30.240.000	72.240.000
4	Bà Hồ Thị Minh Hòa		0	42.000.000	30.240.000	72.240.000
5	Bà Trần Thị Hồng Quyên		253.000.000	42.000.000	30.240.000	325.240.000
<b>II.</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		<b>0</b>	<b>84.000.000</b>	<b>69.480.000</b>	<b>153.480.000</b>
1	Ông Chu Xuân Hải	Trưởng BKS	0	36.000.000	39.240.000	75.240.000
2	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên BKS	0	24.000.000	15.120.000	39.120.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Oanh		0	24.000.000	15.120.000	39.120.000
<b>III</b>	<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>		<b>443.000.000</b>		<b>39.240.000</b>	<b>482.240.000</b>
1	Ông Trương Đình Thanh	Phó Giám đốc	Thôi giữ chức vụ PGĐ từ ngày 1/8/2018			
2	Ông Cao Vĩnh Hậu	Kế toán trưởng	443.000.000	0	39.240.000	482.240.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.224.460.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>314.460.000</b>	<b>1.838.920.000</b>

## 2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

Trong năm 2018, không phát sinh giao dịch của các cổ đông nội bộ.

## 3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018, Công ty có phát sinh giao dịch với Cổ đông như sau:

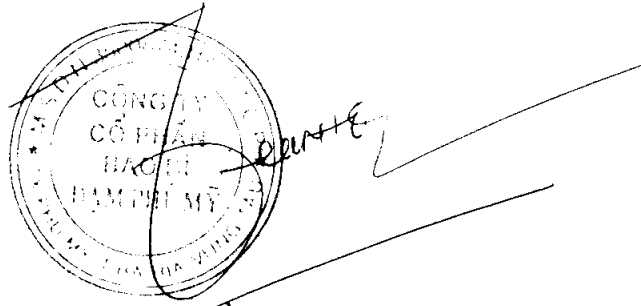
- Hợp đồng cung cấp vỏ bao chứa phân bón của Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí.
- Hợp đồng với Cổ đông Công ty TNHH Hương Phong về việc cho thuê khu đất trồng của Công ty.
- Hợp đồng với Công ty TNHH Logistic Hương Phong – Công ty con của Công ty TNHH Hương phong về các dịch vụ Logistic, vận chuyển hàng hóa.

## 4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

HĐQT đã tuân thủ và thực hiện các chuẩn mực quản trị Công ty cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

**PHẦN VI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**(đính kèm)**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**



**Trần Anh Tú**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

Đường 13, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Văn Hiến	Chủ tịch
Bà Hồ Thị Minh Hòa	Thành viên
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Quyên	Thành viên
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên

##### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Anh Tú	Giám đốc
Ông Trương Đình Thanh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 8 năm 2018)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

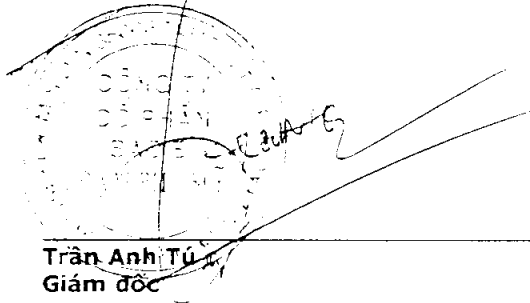
---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,




The image shows a handwritten signature in black ink over a circular official stamp. The stamp contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ' and 'BAN GIÁM ĐỐC'. The signature is written in a cursive style.

---

**Trần Anh Tú**  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Số:  /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2019, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

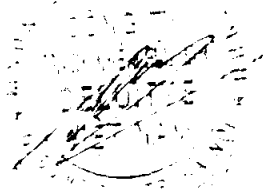
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Huy Công**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1



**Phạm Nam Phong**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0929-2019-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 3 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số Thuyết minh</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>165.063.132.391</b>	<b>119.659.214.609</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>16.800.402.542</b>	<b>3.139.099.382</b>
1. Tiền	111		16.800.402.542	3.139.099.382
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>73.564.955.019</b>	<b>47.531.218.478</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	57.334.104.633	34.683.311.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	13.932.298.550	9.656.910.461
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.298.551.836	3.190.996.117
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>71.810.732.318</b>	<b>65.546.686.720</b>
1. Hàng tồn kho	141		71.810.732.318	65.546.686.720
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.887.042.512</b>	<b>3.442.210.029</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.200.672.217	1.927.623.157
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.686.370.295	1.514.586.872
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.656.322.960</b>	<b>77.215.798.115</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.534.806.151</b>	<b>75.119.392.604</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	69.534.806.151	75.119.392.604
- Nguyên giá	222		132.429.814.890	129.926.268.149
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.895.008.739)	(54.806.875.545)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		353.242.000	353.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(353.242.000)	(353.242.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.039.398.296</b>	<b>901.430.375</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.039.398.296	901.430.375
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.079.118.513</b>	<b>1.191.975.136</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.079.118.513	1.191.975.136
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>237.719.455.351</b>	<b>196.875.012.724</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>172.182.870.040</b>	<b>130.963.994.893</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>156.930.909.023</b>	<b>111.411.407.971</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	22.962.414.850	36.886.075.699
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	18.107.880.596	385.856.060
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.468.527.995	919.191.772
4. Phải trả người lao động	314		6.930.608.831	6.198.233.270
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	2.804.402.794	2.508.388.413
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	11.346.190.275	1.090.874.066
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	92.044.254.710	62.891.622.132
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		266.628.972	531.166.559
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.251.961.017</b>	<b>19.552.586.922</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	15.251.961.017	19.552.586.922
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.536.585.311</b>	<b>65.911.017.831</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>65.536.585.311</b>	<b>65.911.017.831</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.702.789.696	4.702.789.696
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.299.079.063	8.514.016.651
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.534.716.552	10.694.211.484
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		1.084.086.659	93.795.400
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.450.629.893	10.600.416.084
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>237.719.455.351</b>	<b>196.875.012.724</b>

Phạm Thị Thúy Hằng  
 Người lập biểu

Cao Vinh Hậu  
 Kế toán trưởng

Trần Anh Tú  
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	447.932.184.229	397.195.826.945
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	1.085.127.876
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	447.932.184.229	396.110.699.069
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	396.919.813.456	347.340.229.647
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51.012.365.773	48.770.469.422
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	732.807.120	673.374.780
7. Chi phí tài chính	22	24	7.542.728.589	4.616.707.310
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.537.205.355	4.347.144.806
8. Chi phí bán hàng	25	25	12.342.149.419	9.621.669.760
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	20.530.525.485	21.759.054.207
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		11.329.769.400	13.446.412.925
11. Thu nhập khác	31		306.595.920	2.779.328.161
12. Chi phí khác	32		710.423.347	764.789.561
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(403.827.427)	2.014.538.600
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50=30+40)	50		10.925.941.973	15.460.951.525
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	2.245.312.080	3.560.535.441
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.680.629.893	11.900.416.084
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.774	2.408

Phạm Thị Thúy Hằng  
Người lập biểu

Cao Vinh Hậu  
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.925.941.973	15.460.951.525
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.418.719.789	8.333.379.458
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	337.306.870	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(181.031.740)	(2.738.291.899)
Chi phí lãi vay	06	6.537.205.355	4.347.144.806
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.038.142.247	25.403.183.890
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(26.770.334.210)	(10.590.727.722)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.311.435.114)	(14.006.015.437)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.995.169.219	25.981.398.082
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(160.192.437)	(1.060.357.743)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.530.659.808)	(4.347.144.806)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(655.772.638)	(3.680.332.381)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.179.600.000)	(3.039.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(574.682.741)</b>	<b>14.660.703.883</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.403.497.400)	(36.255.933.092)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	209.090.909	2.729.100.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.838.448	9.191.899
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(3.188.568.043)</b>	<b>(33.517.641.193)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	343.681.201.056	283.117.998.627
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(319.112.000.841)	(256.719.327.740)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.132.151.100)	(7.140.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>17.437.049.115</b>	<b>19.259.670.887</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	50	<b>13.673.798.331</b>	<b>402.733.577</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	60	<b>3.139.099.382</b>	<b>2.736.365.805</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(12.495.171)	-
<b>Tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	70	<b>16.800.402.542</b>	<b>3.139.099.382</b>

Phạm Thị Thúy Hằng  
 Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu  
 Kế toán trưởng

Trần Anh Tú  
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 22 tháng 9 năm 2015 với mã chứng khoán là PMP.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 439 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 481 người).

#### **Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán phân bón các loại; Mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán hàng điện tử; Mua bán nhiên liệu động cơ; Vận tải bằng ô tô; Mua bán vật tư thiết bị ngành công nghiệp; Mua bán giấy vớ, bì các tông, vãn phòng phẩm; Cho thuê kho bãi; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, hoặc chi phí mua và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là hệ thống mạng máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Hệ thống mạng máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

#### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền mặt	287.192.663	197.809.940
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.513.209.879	2.941.289.442
	<u>16.800.402.542</u>	<u>3.139.099.382</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bạch Kim	21.411.048.675	4.462.451.504
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	15.302.339.200	7.411.843.780
Công ty TNHH Bangkok Polysack	6.281.022.354	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Khiêm Nghi	2.306.588.900	3.551.344.500
Công ty TNHH Sackmaker J&H Dickson	439.375.701	2.067.194.145
Công ty TNHH Công nghiệp Bao CP (Việt Nam)	-	4.552.402.140
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.593.729.803	12.638.075.830
	<b>57.334.104.633</b>	<b>34.683.311.900</b>
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	16.757.639.198	7.411.843.780
	<b>16.757.639.198</b>	<b>7.411.843.780</b>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bạch Kim	9.806.768.795	8.206.789.621
Công ty Cổ phần bao bì Jumbo Minh Tân	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Xanh Dương	30.250.000	491.700.000
Khác	2.095.279.755	958.420.840
	<b>13.932.298.550</b>	<b>9.656.910.461</b>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu người lao động	2.273.562.510	1.725.711.558
Công ty TNHH Thương mại Kim Đức	-	1.308.308.644
Khác	24.989.326	156.975.915
	<b>2.298.551.836</b>	<b>3.190.996.117</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.244.381.090	-	40.318.290.910	-
Công cụ, dụng cụ	557.174.483	-	153.473.938	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.080.785.764	-	16.496.810.174	-
Thành phẩm	17.257.492.421	-	7.918.913.177	-
Hàng hoá	670.898.560	-	659.198.521	-
	<b>71.810.732.318</b>	<b>-</b>	<b>65.546.686.720</b>	<b>-</b>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	203.733.295	381.155.543
Các khoản khác	996.938.922	1.546.467.614
	<b>1.200.672.217</b>	<b>1.927.623.157</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	661.470.747	869.302.998
Các khoản khác	1.417.647.766	322.672.138
	<b>2.079.118.513</b>	<b>1.191.975.136</b>

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	34.602.144.038	92.696.972.854	129.478.076	2.497.673.181	129.926.268.149
Tăng trong năm	-	1.252.561.023	491.404.796	393.000.000	2.136.965.819
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.731.065.134	-	-	1.731.065.134
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.268.233.776)	(96.250.436)	-	(1.364.484.212)
Số dư cuối năm	<b>34.602.144.038</b>	<b>94.412.365.235</b>	<b>524.632.436</b>	<b>2.890.673.181</b>	<b>132.429.814.890</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	15.493.347.890	37.869.419.988	129.478.076	1.314.629.591	54.806.875.545
Khấu hao trong năm	1.630.441.178	7.488.693.310	31.899.592	267.685.709	9.418.719.789
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.234.336.159)	(96.250.436)	-	(1.330.586.595)
Số dư cuối năm	<b>17.123.789.068</b>	<b>44.123.777.139</b>	<b>65.127.232</b>	<b>1.582.315.300</b>	<b>62.895.008.739</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	<b>19.108.796.148</b>	<b>54.827.552.866</b>	-	<b>1.183.043.590</b>	<b>75.119.392.604</b>
Tại ngày cuối năm	<b>17.478.354.970</b>	<b>50.288.588.096</b>	<b>459.505.204</b>	<b>1.308.357.881</b>	<b>69.534.806.151</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 33.313.895.466 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 21.782.257.156 đồng).

Như trình bày ở Thuyết minh số 16 và số 17, Công ty đã thế chấp tài sản bao gồm giá trị một số máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất và phương tiện vận tải của Công ty tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 và một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 54.776.861.578 đồng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.807.000	11.429.142.200	11.435.949.200	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	655.775.034	2.245.312.080	655.772.638	2.245.314.476
Thuế thu nhập cá nhân	256.609.738	746.323.589	779.719.808	223.213.519
<b>Cộng</b>	<b>919.191.772</b>	<b>14.420.777.869</b>	<b>12.871.441.646</b>	<b>2.468.527.995</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Hương Phong	5.566.550.000	5.566.550.000	-	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	2.150.720.000	2.150.720.000	3.174.897.000	3.174.897.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức	2.970.852.141	2.970.852.141	1.434.020.716	1.434.020.716
Tập đoàn NH International	-	-	13.088.852.400	13.088.852.400
Công ty TNHH Vinomig Singapore Pte	-	-	8.354.431.800	8.354.431.800
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Ý	216.696.150	216.696.150	368.901.060	368.901.060
Các nhà cung cấp khác	12.057.596.559	12.057.596.559	10.464.972.723	10.464.972.723
	<b>22.962.414.850</b>	<b>22.962.414.850</b>	<b>36.886.075.699</b>	<b>36.886.075.699</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	5.709.338.500	5.709.338.500	92.340.940	92.340.940
	<b>5.709.338.500</b>	<b>5.709.338.500</b>	<b>92.340.940</b>	<b>92.340.940</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	17.539.110.000	36.408.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	568.770.596	349.448.060
	<b>18.107.880.596</b>	<b>385.856.060</b>
<b>b. Trả trước từ các bên liên quan</b> - (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	17.539.110.000	36.408.000
	<b>17.539.110.000</b>	<b>36.408.000</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thuê đất	1.592.155.064	1.613.518.702
Chi phí ăn ca	399.747.374	562.644.285
Chi phí lãi vay	134.365.393	127.819.846
Các khoản trích trước khác	678.134.963	204.405.580
	<b>2.804.402.794</b>	<b>2.508.388.413</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả vật tư, hàng hóa	8.334.677.945	-
Phải trả ủy thác nhập khẩu	2.314.635.413	592.351.766
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	435.290.224	67.488.437
Kinh phí công đoàn	253.737.793	431.033.863
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.848.900	-
	<b>11.346.190.275</b>	<b>1.090.874.066</b>

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>1. Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bà Rịa - PGD Tân Thành (i)	-	-	23.548.990.585	13.787.259.900	9.761.730.685	9.761.730.685
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	57.809.686.455	57.809.686.455	330.523.684.686	310.634.279.479	77.699.091.662	77.699.091.662
<b>2. Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	5.081.935.677	5.081.935.677	4.557.547.451	5.056.050.765	4.583.432.363	4.583.432.363
	<b>62.891.622.132</b>	<b>62.891.622.132</b>	<b>358.630.222.722</b>	<b>329.477.590.144</b>	<b>92.044.254.710</b>	<b>92.044.254.710</b>

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm:

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) - Chi nhánh Bà Rịa - PGD Tân Thành theo hợp đồng tín dụng số 8762.18.553.895699.TD ngày 22 tháng 3 năm 2018 với hạn mức tín dụng 15,1 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay là lãi suất cố định. Tài sản để đảm bảo khoản vay này là quyền đòi nợ hình thành từ các phương án MBBank cấp tín dụng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 2018-HDIIM/VCB-BBDPM ngày 3 tháng 5 năm 2018 với hạn mức cho vay là 90 tỷ đồng. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay là lãi suất cố định. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 54.776.861.578 đồng.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Giá trị	Số đầu năm	Tăng	Trong năm	Giá trị	Số cuối năm
	VND	Số có khả năng trả nợ VND		Giảm VND		Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Vũng Tàu</b>						
Hợp đồng 02-2014/HĐTĐ/BBĐPM ngày 12 tháng 12 năm 2014	494.165.300	494.165.300	-	494.165.300	-	-
Hợp đồng 01-2016-ĐTĐA/HĐTĐ/BBĐPM ngày 02 tháng 6 năm 2016	14.979.104.244	14.979.104.244	-	2.213.710.864	12.765.393.380	12.765.393.380
Hợp đồng 01/2017-TDH/BBĐPM ngày 28 tháng 4 năm 2017	9.161.253.055	9.161.253.055	-	2.091.253.055	7.070.000.000	7.070.000.000
	<b>24.634.522.599</b>	<b>24.634.522.599</b>	<b>-</b>	<b>4.799.129.219</b>	<b>19.835.393.380</b>	<b>19.835.393.380</b>
<b>Trong đó:</b>						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	5.081.935.677	5.081.935.677			4.583.432.363	4.583.432.363
Số phải trả sau 12 tháng	19.552.586.922	19.552.586.922			15.251.961.017	15.251.961.017

**Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:**

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017-TDH/BBĐPM ngày 28 tháng 4 năm 2017 với hạn mức cho vay là 9.161.253.055 đồng. Mục đích cho vay để thanh toán tiền cho dự án đầu tư mua sắm lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất bao bì. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo Hợp đồng Thế chấp Máy móc thiết bị số 01/2017-HĐBBĐ/BBĐPM, Hợp đồng Thế chấp Máy móc thiết bị số 02/2017-HĐBBĐ/BBĐPM, Hợp đồng Thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 03/2017-HĐBBĐ/BBĐPM.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-ĐTĐA/HĐTĐ/BBĐPM ngày 02 tháng 6 năm 2016 với hạn mức cho vay tương đương 18.580.000.000 đồng. Mục đích cho vay để thanh toán tiền cho dự án đầu tư mua sắm lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất bao bì Jumibo giai đoạn 3. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo Hợp đồng Thế chấp máy móc thiết bị số 01/2016-HĐBBĐ/BBĐPM, Hợp đồng Thế chấp Máy móc thiết bị số 01/2017-HĐBBĐ/BBĐPM, Hợp đồng Thế chấp Máy móc thiết bị số 02/2017-HĐBBĐ/BBĐPM, Hợp đồng Thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 03/2017-HĐBBĐ/BBĐPM.



Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.583.432.363	5.081.935.677
Trong năm thứ hai	4.583.432.363	4.516.517.322
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.568.528.654	12.539.551.965
Sau năm năm	-	2.496.517.635
	<b><u>19.835.393.380</u></b>	<b><u>24.634.522.599</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(4.583.432.363)	(5.081.935.677)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>15.251.961.017</u></b>	<b><u>19.552.586.922</u></b>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>4.702.789.696</b>	<b>6.961.779.899</b>	<b>10.538.268.904</b>	<b>64.202.838.499</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.900.416.084	11.900.416.084
Trích lập các quỹ	-	-	1.552.236.752	(1.552.236.752)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.052.236.752)	(3.052.236.752)
Chia cổ tức	-	-	-	(7.140.000.000)	(7.140.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>4.702.789.696</b>	<b>8.514.016.651</b>	<b>10.694.211.484</b>	<b>65.911.017.831</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.680.629.893	8.680.629.893
Trích lập các quỹ (i)	-	-	1.785.062.412	(1.785.062.412)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(1.715.062.413)	(1.715.062.413)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(7.140.000.000)	(7.140.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>4.702.789.696</b>	<b>10.299.079.063</b>	<b>8.534.716.552</b>	<b>65.536.585.311</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ/2018 ngày 18 tháng 4 năm 2018, trong năm 2018, cổ tức năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 7.140.000.000 đồng. Công ty thực hiện trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ thưởng Ban điều hành và trích bổ sung thêm Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền lần lượt là 1.785.062.412 VND, 200.000.000 VND và 485.062.413 VND. Công ty cũng thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 1.230.000.000 đồng dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 đã được phê duyệt. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế trong năm 2018 sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.200.000</i>	<i>4.200.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.200.000</i>	<i>4.200.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

#### **Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hòa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	18.203.000.000	43,34%	18.203.000.000	43,34%
Công ty TNHH Hương Phong	16.800.000.000	40,00%	16.800.000.000	40,00%
Các cổ đông khác	6.997.000.000	15,66%	6.997.000.000	15,66%
	<b>42.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>100%</b>

#### **Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, cổ tức năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 7.140.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã thanh toán 7.132.151.100 đồng tiền cổ tức được phê duyệt nêu trên cho các cổ đông.

#### **19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và toàn bộ thông tin về doanh thu, chi phí được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 21.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	409.704.051.576	350.094.869.056
Doanh thu bán hàng hóa	37.386.678.111	46.607.165.540
Doanh thu khác	841.454.542	493.792.349
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	<b>(1.085.127.876)</b>
Hàng bán bị trả lại	-	(1.085.127.876)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>447.932.184.229</b>	<b>396.110.699.069</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)</b>	<b>222.162.256.852</b>	<b>198.203.271.604</b>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	359.868.377.831	302.554.616.415
Giá vốn bán hàng hóa	36.376.576.989	44.337.767.303
Giá vốn khác	674.863.636	447.845.929
	<b>396.919.818.456</b>	<b>347.340.229.647</b>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.272.240.476	236.886.753.117
Chi phí nhân công	67.597.216.411	59.172.345.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.418.719.789	8.333.379.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.794.518.400	35.092.262.718
Chi phí khác bằng tiền	917.196.885	566.935.866
	<b>395.999.891.961</b>	<b>340.051.677.120</b>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	726.968.672	664.182.881
Lãi tiền gửi	5.838.448	9.191.899
	<b>732.807.120</b>	<b>673.374.780</b>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	6.537.205.355	4.347.144.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.005.523.234	269.562.504
	<b>7.542.728.589</b>	<b>4.616.707.310</b>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	8.855.844.537	9.998.049.353
Chi phí đồ dùng văn phòng	181.700.723	98.082.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	454.441.089	821.405.225
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.155.902.462	10.357.063.301
Chi phí bằng tiền khác	868.636.674	479.453.643
	<b>20.530.525.485</b>	<b>21.759.054.207</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí vật liệu, bao bì	204.624.056	240.581.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.137.132.370	9.355.062.975
Chi phí bằng tiền khác	392.993	26.025.126
	<b>12.342.149.419</b>	<b>9.621.669.760</b>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.245.312.080	3.560.535.441
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.245.312.080</b>	<b>3.560.535.441</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	10.925.941.973	15.460.951.525
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>300.618.429</i>	<i>2.341.725.680</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.226.560.402	17.802.677.205
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.245.312.080</b>	<b>3.560.535.441</b>

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.680.629.893	11.900.416.084
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.230.000.000)	(1.985.062.413)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.450.629.893</b>	<b>9.915.353.671</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.774</b>	<b>2.361</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc chia lợi nhuận sau thuế 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018, cụ thể như sau:

	Số năm trước trình bày lại	Số năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.900.416.084	11.900.415.084
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.985.062.413)	(1.785.062.413)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>9.915.353.671</b>	<b>10.115.353.671</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.361</b>	<b>2.408</b>

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.710.000.000	1.710.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.916.887.500	1.875.637.500
Trên 1 năm đến 5 năm	7.667.550.000	7.502.550.000
Trên 5 năm	47.922.187.500	48.766.575.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.506.625.000</b>	<b>58.144.762.500</b>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải trả cho việc thuê 50.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 4 năm 2013, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m<sup>2</sup> tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2008.

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn
Các công ty con, công ty liên kết của Công ty TNHH Hương Phong	Cùng Chủ sở hữu
Các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty	Cùng Chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	220.522.762.310	197.660.198.120
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	705.290.000	241.225.000
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	92.750.000	-
Công ty TNHH Hương Phong	827.818.178	275.939.393
Công ty TNHH Logistics CEA Hương Phong	13.636.364	25.909.091
	<b>222.162.256.852</b>	<b>198.203.271.604</b>

**Mua hàng**

Công ty TNHH Hương Phong	7.909.486.819	176.729.110
Công ty TNHH Logistics CEA Hương Phong	773.600.711	345.936.380
	<b>8.683.087.530</b>	<b>522.665.490</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	16.302.339.200	7.411.843.780
Công ty TNHH Hương Phong	455.299.998	-
	<b>16.757.639.198</b>	<b>7.411.843.780</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	17.539.110.000	36.408.000
	<b>17.539.110.000</b>	<b>36.408.000</b>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty TNHH Hương Phong	5.566.550.000	-
Công ty TNHH Logistics CEA Hương Phong	142.788.500	92.340.940
	<b>5.709.338.500</b>	<b>92.340.940</b>

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.087.346.756	1.405.751.617
	<b>1.087.346.756</b>	<b>1.405.751.617</b>

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Trong năm 2018, tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 197.924.526 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 201.239.487 VND)

Trong năm 2018, cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 7.848.900 VND là số cổ tức, lợi nhuận chia cho chủ sở hữu phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Phạm Thị Thúy Hằng  
 Người lập biểu

Cao Vinh Hậu  
 Kế toán trưởng

Trần Anh Tú  
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2019